

Bản án số: **61/2025/DS-ST**

Ngày: 28 - 8 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 26/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Võ Ánh M, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Số 45B1, Khu phố 7, thị trấn M1, huyện M2, tỉnh Bến Tre; Nay là Ấp 7, xã M1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

2/ Bị đơn: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện M2, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp H, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Hoàng U, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Số 204D1, Khu phố 7, thị trấn M1, huyện M2, tỉnh Bến Tre; Nay là Ấp 7, xã M1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà, nguyên đơn bà Võ Ánh M trình bày:

Do có quen biết với ông Dương Văn Q nên ông Q có đề nghị vay tiền của bà để đáo hạn ngân hàng và kinh doanh mua bán dừa, cụ thể như sau:

- Ngày 22 tháng 5 năm 2023: Ông Q vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 (hai) tháng, lãi suất thoả thuận là 0,5%/tháng, ông Q trực tiếp nhận đủ số tiền vay tại nhà của bà.

- Ngày 24 tháng 7 năm 2023: Ông Q vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 (hai) tháng, lãi suất thoả thuận là 0,5%/tháng, ông Q trực tiếp nhận đủ số tiền vay tại nhà của bà.

- Ngày 04 tháng 11 năm 2023: Ông Q vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 (hai) tháng, lãi suất thoả thuận là 0,5%/tháng, tiền vay được chuyển từ tài khoản của chị Nguyễn Hoàng Uyên đến tài khoản của ông Q.

- Ngày 07 tháng 11 năm 2023: Ông Q vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay là 02 (hai) tháng, lãi suất thoả thuận là 0,5%/tháng, tiền vay được chị Nguyễn Hoàng Uyên nộp vào tài khoản của ông Q tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Mỏ Cày Nam.

Như vậy, ông Q đã vay của bà tổng cộng là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Các lần vay tiền này thì hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói. Đến ngày 29 tháng 8 năm 2024, ông Q có viết giấy xác nhận nợ lại số tiền đã vay của bà như trên. Từ ngày nhận tiền đến nay, ông Q không có trả lãi. Sau đó, ông Q có trả cho bà được tổng cộng là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, gồm các lần như sau: Ngày 25 tháng 12 năm 2023 trả 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; Ngày 29 tháng 02 năm 2024 trả 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng; Ngày 28 tháng 3 năm 2024 trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng; Ngày 09 tháng 8 năm 2024 trả 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Ông Q hứa 02 (hai) tháng kể từ ngày xác nhận nợ (ngày 29 tháng 8 năm 2024) sẽ trả đủ cho bà số tiền gốc còn lại và tiền lãi nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Dương Văn Q vắng mặt tại phiên toà nhưng có lời trình bày tại đơn xin hoãn phiên toà đề ngày 30 tháng 7 năm 2025 như sau:

Ông xác nhận còn nợ bà Võ Ánh M số tiền gốc là 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng, ông chấp nhận trả cho bà M số tiền này và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hoàng U trình bày:

Chị xác nhận có chuyển khoản dùm cho bà Võ Ánh M hai khoản tiền bà M cho ông Dương Văn Q vay như bà M trình bày. Số tiền này là tiền của bà M, không phải

là tiền của chị, chị không có quyền lợi, nghĩa vụ trong thoả thuận vay tiền giữa bà M và ông Q nên không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Ánh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay và tiền lãi theo thoả thuận nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Võ Ánh M cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của ông Dương Văn Q nên bà M có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Q có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là ấp H, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[5] Xét yêu cầu trả tiền vay của bà M, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà M cho rằng ông Q đã vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là 900.000.000 (chín trăm triệu) đồng. Các lần vay tiền này hai bên chỉ thoả thuận bằng lời nói. Đến ngày 29 tháng 8 năm 2024, ông Q có viết giấy xác nhận lại số tiền vay của bà như trên. Đồng thời, ông Q cũng có trả cho bà nhiều lần được tổng số tiền là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng, còn nợ lại 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng và hứa sau 02 (hai) tháng kể từ ngày xác nhận nợ ông sẽ trả đủ cho bà số tiền gốc và tiền lãi nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Q nhưng ông Q không phản đối yêu cầu khởi kiện hay tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn giao nộp. Tại đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất, ông Q cũng xác nhận có nợ bà M số tiền gốc còn lại là 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng và chấp nhận trả cho bà M số tiền này.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng là phù hợp. Tại phiên toà, bà M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Q trả tiền nợ gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Võ Ánh M được chấp nhận nên ông Dương Văn Q phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ánh M.

Buộc bị đơn ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Võ Ánh M số tiền vay gốc là 720.000.000 (bảy trăm hai mươi triệu) đồng.

Về án phí: Ông Dương Văn Q có nghĩa vụ chịu là 32.800.000 (ba mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự (3b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b)
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân